

Bản án số: 433/2022/DS-PT

Ngày: 16-09-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng
Dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Phạm Minh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 07 năm 2022 về “V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ- bơm tưới”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/ DS-ST ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 310/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 08 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 425/2022/QĐ-PT ngày 07/09/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã Ba Sao; Đại diện theo pháp luật là ông D, sinh năm 1966;

Người đại diện theo ủy quyền của D là bà Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của D là Luật sư Nguyễn Văn V – Văn phòng Luật sư C, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ 13, ấp T, xã T, Thành Phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Nguyễn Hồng T là luật sư của Văn phòng Luật sư Hồng Thanh - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1975; ĐKKK: ấp 3, xã B, huyện C, Tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên lạc: Tổ 61, khóm 6, phường 6, Tp. C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã Ba Sao đại diện ông D uỷ quyền cho bà Đ trình bày: D được sự kêu gọi của UBND xã B cùng bà con nông dân có diện tích đất canh tác trong Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã Ba Sao (tên thường gọi là Trạm bơm ô số 3, ấp 3, xã Ba Sao) về đây phục vụ tưới tiêu nông nghiệp cho bà con nông dân từ năm 2011. Theo biên bản họp dân kêu gọi đầu tư ngày 18/01/2011 và Quyết định thành lập Tổ kinh tế hợp tác X ấp 3, xã Ba Sao ngày 23/2/2011.

Từ ngày thành lập Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã Ba Sao (Tổ kinh tế hợp tác) cho đến nay, Tổ kinh tế hợp tác đã phục vụ bơm tưới, tiêu cho bà con trong ô đề bao rất tốt và đạt hiệu quả cao. Ông Nguyễn Văn D1 có diện tích đất canh tác trong Tổ kinh tế hợp tác là 18.500m², phần đất này ông Dũ đã đưa qua cho ông Nguyễn Văn H canh tác từ năm 2011 cho đến nay. Ông H qua từng vụ vẫn lấy nước của Tổ kinh tế hợp tác và xuống giống đúng theo lịch của Tổ kinh tế hợp tác, nhưng không chịu thanh toán tiền thủy lợi phí lúa nước.

Số tiền ông Nguyễn Văn H còn nợ Tổ kinh tế hợp tác, cụ thể như sau: Theo biên bản họp dân ngày 18/1/2011 kêu gọi đầu tư bơm tưới tiêu, bà con thống nhất giá là 26 kg lúa/ 1000m²/vụ chu kỳ 03 năm, sau 3 năm xây dựng lại giá khác.

+ Vụ hè thu năm 2011: diện tích 18.500m² x 26kg lúa = 481 kg lúa x 6000 đồng/kg lúa = 2.886.000 đồng.

+ Vụ đông xuân 2012: diện tích 18.500m² x 26kg lúa = 481 kg lúa x 4500 đồng/kg lúa = 2.164.000 đồng.

+ Vụ hè thu 2012: diện tích 18.500m² x 26kg lúa = 481 kg lúa x 4500 đồng/kg lúa = 2.164.000 đồng.

+ Vụ đông xuân 2013: diện tích 18.500m² x 26kg lúa = 481 kg lúa x 4700 đồng/kg lúa = 2.260.000 đồng.

+ Vụ hè thu 2013: diện tích 18.500m² x 26kg lúa = 481 kg lúa x 4400 đồng/kg lúa = 1.436.000 đồng.

+ Vụ ba 2013: diện tích 18.500m² x 26kg lúa = 481 kg lúa x 4600 đồng/kg lúa = 2.212.000 đồng.

+ Vụ đông xuân 2014: diện tích 18.500m² x 26kg lúa = 481 kg lúa x 5000 đồng/kg lúa = 2.405.000 đồng.

+ Vụ hè thu 2014: diện tích 18.500m² x 26kg lúa = 481 kg lúa x 4600 đồng/kg lúa = 2.212.000 đồng.

+ Vụ ba năm 2014: diện tích 18.500m² x 110.000 đồng/ 1000m² = 2.035.000 đồng.

- Theo biên bản họp dân ngày 03/10/2014 bà con thống nhất giá là 115.000 đồng/1000m², chu kỳ là 05 năm.

+ Từ năm 2015 đến năm 2019 (mỗi năm 03 vụ lúa) là 18.500m² x 115.000 đồng/1.000m² = 2.127.000 đồng x 15 vụ lúa = 31.912.000 đồng.

- Theo biên bản họp dân ngày 26/08/2019 bà con thống nhất giá 120.000 đồng/1000m², chu kỳ là 3 năm.

+ Năm 2020: diện tích 18.500m² x 120.000đồng/1.000m² x 3 vụ = 6.660.000 đồng.

+ Năm 2021 vụ đông xuân: diện tích 18.500m² x 120.000đồng/1.000m² x 1 vụ = 2.220.000 đồng.

Tổng cộng ông Nguyễn Văn H còn nợ 28 vụ lúa nước. Tổ kinh tế hợp tác đã nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán tiền thủy lợi phí nhưng ông H không chịu trả mà còn né tránh. Nay Tổ kinh tế hợp tác yêu cầu ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả số tiền thủy lợi phí còn nợ là 61.246.000 đồng và số tiền lãi 40.600.000 đồng (lãi 1%/tháng, tính từ tháng 6/2011 – 03/2021, tính theo từng vụ), tổng cộng là 101.846.000đồng (*Một trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*). Ngoài ra, Tổ kinh tế hợp tác không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. *Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông H thừa nhận có canh tác diện tích đất 12.500m², phần đất nằm trong Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã Ba Sao (Tên thường gọi là Trạm bơm ô số 3, ấp 3, xã Ba Sao) do ông D là Tổ trưởng làm người đại diện hợp pháp của Tổ kinh tế hợp tác. Tuy nhiên, kể từ khi thành lập và bắt đầu bơm tưới từ năm 2011 ông H không sử dụng nước của Tổ kinh tế hợp tác, mà sử dụng nước từ kênh Kỳ Sơn lên đất ông. Vì phần đất của ông H nằm ở vị trí cao và xa hơn phạm vi bơm tưới của Tổ kinh tế hợp tác nên nước bơm tưới không tới được đất ông H. Nếu muốn dẫn nước đến đất ông H thì Tổ kinh tế hợp tác phải làm đường thủy lợi để dẫn nước nhưng Tổ kinh tế hợp tác không làm. Từ năm 2011, phía Tổ kinh tế hợp tác không thu hay thông báo cho ông H về việc thu tiền nước, không mời ông tham gia họp cùng bà con khi có lịch xuống giống. Vào tháng 02/2021, ông H đã chuyển mục đích sử dụng đất đã lên vườn nên càng không sử dụng nước của Tổ kinh tế hợp tác. Do đó, ông Nguyễn Văn H không đồng ý đối với yêu cầu của Tổ kinh tế hợp tác về việc yêu cầu ông H trả số tiền thủy lợi phí là 101.846.000 đồng (*Một trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*). Ngoài ra, ông H không trình bày gì thêm.

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D1 đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã Ba Sao.

- Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã Ba Sao số tiền 101.846.000đồng (*Một trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện; chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền bơm nước của diện tích 12.500m²; không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng ý việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X với bị đơn anh Nguyễn Văn H nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng dịch vụ phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Phần đất các bên đang có tranh chấp về hợp đồng dịch vụ tọa lạc tại xã ba Sao, Huyện C nên Tòa án huyện C thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn H: Hội đồng xét xử xét thấy; tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn thừa nhận có canh tác diện tích 12.500m² trong ô đề bao số 3, do Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X phụ trách bơm nước. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thống nhất thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình thống nhất với diện tích mà bị đơn đã thừa nhận, rút một phần yêu cầu khởi kiện trước đây. Như vậy, diện tích mà anh H canh tác trong ô đề bao số 3 là 12.500m²; Nhưng anh H cho rằng, trong quá trình bơm nước, Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X không thực hiện đúng thỏa thuận của các bên là phải bơm đủ nước vào ruộng; Tuy nhiên, việc này thì anh H không có chứng cứ gì để chứng minh; Đồng thời, anh H cũng thừa nhận, anh vẫn canh tác các vụ mùa đầy đủ, không có bỏ vụ nào; Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X cũng không thừa nhận có việc bơm không đủ nước; vì trạm bơm chỉ cách đất anh H khoảng 300m, nếu không đủ nước thì anh H đã thông báo.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh H phải có nghĩa vụ trả tiền thủy lợi phí (tiền bơm nước) cho Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và rút lại yêu cầu tính lãi; bị đơn đồng ý việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn; Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không bị ai ép buộc nên được Hội đồng xét xử chấp nhận: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa hoàn toàn phù hợp nên chỉ chấp nhận một phần.

Do sửa án sơ thẩm nên anh H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H;

2. Sửa một phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C (do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện theo thừa nhận của bị đơn);

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã Ba Sao.

- Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X ấp 3, xã B số tiền là 41.383.000đ (Bốn mươi một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tổ kinh tế hợp tác bơm tưới X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.525.000đ theo biên lai số 0007169 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 2.069.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009302, ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh